

Số: 2276/TEDI-CBTT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CỦA DOANH NGHIỆP**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Quý cổ đông và các Nhà đầu tư

- Tên giao dịch: Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải-CTCP
- Địa chỉ liên lạc: 278 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84-4).38514431. Fax: (84-4).38514980. Email: tedi.ctdc@gmail.com.
- Website: www.tedi.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Công Tâm.
- Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động.
- Loại thông tin công bố:  24h;  72h;  Yêu cầu;  Bất thường;  Định kỳ

**Nội dung công bố thông tin:**

- Báo cáo tài chính riêng soát xét 6 tháng năm 2019

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/c);
- TGD (b/c)
- Website TCT;
- Lưu Tổ CBTT./.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Công Tâm

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ  
GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ  
GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**

Hà Nội - Tháng 08 năm 2019

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5-6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	7-8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-49

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn thiết kế GTVT - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước, được chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1765/QĐ - BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 25/06/2010, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 09 năm 2010.

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải đã hoàn thành cổ phần hóa, chính thức chuyển thành Công ty cổ phần với tên giao dịch mới là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100107839 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRANSPORT ENGINEERING DESIGN INCOPORATED, tên viết tắt là: TEDI.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế GTVT - CTCP là 125 tỷ đồng, trong đó:

- Cổ đông là tổ chức bao gồm:
  - Cổ đông trong nước, Công ty Cổ phần xử lý nền và xây dựng FECON nắm giữ 9,35%;
  - Cổ đông nước ngoài, Công ty Oriental Consultants Global Co., nắm giữ 20,262%;
  - Trans Across VP Inc. nắm giữ 0,256%
  - Công đoàn Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP nắm giữ 0,28%;
- Ông Phạm Hữu Sơn nắm giữ 8,5%
- Ông Phạm Trung Thành nắm giữ 20,76%;
- Cổ đông khác nắm giữ 40,59% vốn điều lệ.

Báo cáo tài chính này được tổng hợp từ các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 của 03 đơn vị sau:

- Văn phòng Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP
- Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng;
- Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh).

### **Văn phòng Tổng Công ty**

Văn phòng Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0100107839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính tại 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

### **Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng**

Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-BGTVT ngày 02/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 511/TCCB - LĐ ngày 26/10/2007 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT về việc thành lập Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải (từ ngày 03/6/2014 chuyển đổi thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT - CTCP).

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng (tiếp theo)**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị kinh tế phụ thuộc doanh nghiệp nhà nước số 0116000151, đăng ký lần hai ngày 29/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Kể từ ngày 03 tháng 06 năm 2014, sau khi Công ty mẹ hoàn thành cổ phần hóa hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp số 0100107839-001, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 8 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 11 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở Công ty tại Số 278 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Ban Giám đốc Công ty TVTK Kiến trúc Xây dựng**

Bà Trần Thị Mai Hương Giám đốc

**Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải được thành lập theo Quyết định số 163/TCCB-LĐ ngày 03/5/2001 và Quyết định số 512/TCCB-LĐ ngày 26/10/2007 của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải (từ ngày 03/06/2014 chuyển đổi thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP).

Chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4116001196 đăng ký lần đầu ngày 23/10/2008 (số cũ 315094 ngày 07/9/2001) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp; Sau khi Tổng Công ty hoàn thành cổ phần hóa, Chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký lần đầu số 0100107839-002 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 04 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở Chi nhánh tại 15 (bên phải) Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

**Ban Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:**

Ông Trần Quốc Bảo Giám đốc

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Hitoshi Yahagi	Chủ tịch
	Ông Phạm Hữu Sơn	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Việt Khoa	Thành viên
	Ông Đỗ Minh Dũng	Thành viên
	Ông Đào Ngọc Vinh	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Phạm Hữu Sơn	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Trung Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đào Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ban kiểm soát</b>	Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban kiểm soát
	Ông Ngô Nam Hà	Thành viên
	Ông Võ Hoàng Anh	Thành viên
<b>Kế toán Tổng Công ty</b>	Ông Trương Minh Sơn	Kế toán trưởng

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng, kết thúc ngày 30/6/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và Đại diện pháp luật của Tổng Công ty,



**Phạm Hữu Sơn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Số: 688 /2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019  
của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP

**Kính gửi:** **Các Quý Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP, được lập ngày 14 tháng 08 năm 2019, từ trang 7 đến trang 49, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Phan Huy Thắng**

**Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

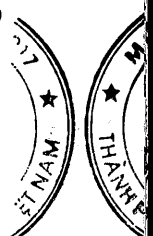
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Code	Note	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>352.900.898.614</b>	<b>290.813.126.801</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>61.596.505.016</b>	<b>48.704.940.463</b>
1. Tiền	111		20.296.505.016	38.704.940.463
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.300.000.000	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>30.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.02	30.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>128.190.556.652</b>	<b>99.180.454.950</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.03	53.601.948.740	64.887.103.122
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.04	38.677.011.472	22.629.280.966
3. Phải thu khác ngắn hạn	136	5.05	40.133.596.440	15.886.070.862
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.222.000.000)	(4.222.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>133.106.775.254</b>	<b>132.927.731.388</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.06	133.106.775.254	132.927.731.388
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.061.692</b>	<b>-</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.061.692	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>116.859.208.323</b>	<b>121.486.046.326</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52.487.319.559</b>	<b>54.652.174.470</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.07	50.997.916.920	52.818.065.049
- Nguyên giá	222		129.601.980.768	128.800.555.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.604.063.848)	(75.982.490.073)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.08	1.489.402.639	1.834.109.421
- Nguyên giá	228		6.065.379.327	6.065.379.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.575.976.688)	(4.231.269.906)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>56.929.043.495</b>	<b>57.847.170.155</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.09	56.929.043.495	59.052.170.155
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn	254		-	(1.205.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.442.845.269</b>	<b>8.986.701.701</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	7.419.524.524	8.963.380.956
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		23.320.745	23.320.745
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>469.760.106.937</b>	<b>412.299.173.127</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Code	Note	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>328.493.072.062</b>	<b>267.088.398.316</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>324.947.478.782</b>	<b>263.177.665.034</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	20.489.898.742	25.563.791.774
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	207.124.191.128	110.452.217.174
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.149.986.622	4.259.169.946
4. Phải trả người lao động	314		10.685.414.933	16.984.834.582
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	31.919.047.887	38.018.939.735
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	21.095.908.695	13.816.244.079
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	27.721.472.000	51.389.996.269
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.761.558.775	2.692.471.475
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.545.593.280</b>	<b>3.910.733.282</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.293.854.628	1.191.194.628
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	2.141.072.000	2.568.872.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		110.666.652	150.666.654
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>141.267.034.875</b>	<b>145.210.774.811</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>141.267.034.875</b>	<b>145.210.774.811</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		815.232.000	815.232.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.451.802.875	19.395.542.811
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ			1.012.033.811	-
- trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.439.769.064	19.395.542.811
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>469.760.106.937</b>	<b>412.299.173.127</b>

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Tăng Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Trương Minh Sơn

Trưởng Giám đốc



Phạm Hữu Sơn

D.N. (C)  
CÓN  
TN  
KIỂM  
PA V  
34A

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

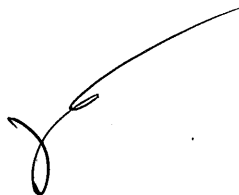
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 06	Cho kỳ kế toán 06
			tháng kết thúc ngày 30/06/2019	tháng kết thúc ngày 30/06/2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	166.581.130.490	175.765.682.503
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.02	911.586.019	215.573.182
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		165.669.544.471	175.550.109.321
4. Giá vốn hàng bán	11	6.03	132.012.844.102	140.653.634.415
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>33.656.700.369</b>	<b>34.896.474.906</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.04	11.159.944.289	10.914.224.436
7. Chi phí tài chính	22	6.05	1.076.404.437	541.955.946
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.080.834.777</i>	<i>541.955.946</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	28.066.030.397	30.492.445.396
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>15.674.209.824</b>	<b>14.776.298.000</b>
11. Thu nhập khác	31		16.554.497	23.702.000
12. Chi phí khác	32		36.363.636	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>6.07</b>	<b>(19.809.139)</b>	<b>23.702.000</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>15.654.400.685</b>	<b>14.800.000.000</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.08	1.214.631.621	987.985.583
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>14.439.769.064</b>	<b>13.812.014.417</b>

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Tăng Thị Thu Hiền

Trương Minh Sơn

Phạm Hữu Sơn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 06	Cho kỳ kế toán 06
			tháng kết thúc ngày 30/06/2019	tháng kết thúc ngày 30/06/2018
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		287.967.828.149	161.438.479.902
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(117.857.104.968)	(82.404.874.340)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(43.974.860.779)	(54.574.043.081)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(358.441.182)	(537.155.946)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(602.355.803)	(3.228.151.368)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.971.144.415	6.322.732.699
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(73.912.517.590)	(59.073.296.767)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>56.233.692.242</b>	<b>(32.056.308.901)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(827.389.500)	(5.425.947.165)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	(25.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	25.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(941.253.000)	(1.230.985.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.863.810.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.696.771.080	4.493.802.196
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16.208.061.420)</b>	<b>(2.163.129.969)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.608.470.163	67.188.437.357
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(28.704.794.432)	(30.356.112.129)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.037.742.000)	(14.785.251.489)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(27.134.066.269)</b>	<b>22.047.073.739</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>12.891.564.553</b>	<b>(12.172.365.131)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.01</b>	<b>48.704.940.463</b>	<b>48.140.989.321</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.01</b>	<b>61.596.505.016</b>	<b>35.968.624.190</b>

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Tăng Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Trương Minh Sơn

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Sơn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Lịch sử phát triển**

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 4898/QĐ-TCCB-LĐ ngày 27/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, hoạt động với tên gọi Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải.

Theo Quyết định số 782/QĐ-BGTVT ngày 09/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải được chuyển đổi thành Công ty mẹ trên cơ sở tổ chức lại bao gồm Cơ quan Văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc là Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1765/QĐ - BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 25/06/2010, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100107839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 09 năm 2010.

Trong năm 2014, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải đã hoàn thành cổ phần hóa, chính thức chuyển thành Công ty cổ phần với tên giao dịch mới là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100107839 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP**

Tên giao dịch quốc tế: **TRANSPORT ENGINEERING DESIGN INCORPORATED**

Tên giao dịch viết tắt: **TEDI**

Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty:

Địa chỉ: Số 278 phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24).38514431

Fax: (84-24).38514980

E-mail: [tedi@tedi.com.vn](mailto:tedi@tedi.com.vn)

Website: [www.tedi.com.vn](http://www.tedi.com.vn)

Người đại diện theo pháp luật : Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

**Vốn điều lệ và hình thức sở hữu vốn**

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế GTVT - CTCP là 125 tỷ đồng, trong đó:

- Cổ đông là tổ chức bao gồm:
  - Cổ đông trong nước, Công ty Cổ phần xử lý nền và xây dựng FECON nắm giữ 9,35%;
  - Cổ đông nước ngoài, Công ty Oriental Consultants Global Co., nắm giữ 20,76%;
  - Trans Across VP Inc. nắm giữ 0,26%
  - Công đoàn Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP nắm giữ 0,28%;
- Ông Phạm Hữu Sơn nắm giữ 8,5%
- Ông Phạm Trung Thành nắm giữ 20,72%;
- Cổ đông khác nắm giữ 40,59% vốn điều lệ.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Từ ngày 03 tháng 06 năm 2014, sau khi hoàn thành cổ phần hóa Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải chuyển đổi thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 02 tháng 10 năm 2017 thì ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP bao gồm:

**Văn phòng Tổng Công ty và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết:
  - Thí nghiệm vật liệu xây dựng và các chỉ tiêu về địa chất, thủy văn, môi trường và công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
  - Kiểm định chất lượng, thử tải các công trình giao thông dân dụng và công nghiệp.
2. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
  - Khảo sát giao thông, phân tích và lập hồ sơ dự báo giao thông vận tải; khảo sát, lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường và công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
  - Nghiên cứu ứng dụng, xây dựng thực nghiệm và đào tạo chuyển giao công nghệ mới các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
3. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
  - Thiết kế xây dựng công trình cầu, hầm, đường bộ.
  - Thiết kế công trình cảng - đường thủy.
  - Thiết kế công trình đường sắt, đường bộ.
  - Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật.
  - Thiết kế quy hoạch xây dựng, Thiết kế kiến trúc công trình.
  - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
  - Khảo sát địa hình, Khảo sát địa chất công trình.
  - Thiết kế địa kỹ thuật công trình xây dựng.
  - Khảo sát thủy văn môi trường.
  - Thiết kế lắp đặt thiết bị điện chiếu sáng công trình giao thông.
  - Thiết kế lắp đặt hệ thống mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng.
  - Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng.
  - Thiết kế phương tiện vận tải đường sắt.
  - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
  - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, hầm, đường bộ.
  - Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình xây dựng.
  - Đầu tư, quản lý, kinh doanh khai thác các dự án giao thông, dân dụng và công nghiệp.
  - Tư vấn đầu tư, xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
  - Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư các dự án đầu tư xây dựng và đánh giá đầu tư các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
  - Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn và xây lắp, lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán chi tiết công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
  - Tư vấn lập hồ sơ đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng và tái định cư, kế hoạch quản lý môi trường, kế hoạch hành động tái định cư; báo cáo xã hội, báo cáo dân tộc thiểu số của các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
  - Tư vấn thẩm tra sự án đầu tư, dự án quy hoạch, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
  - Tư vấn giám sát đầu tư, tư vấn giám sát nhà nước, tư vấn giám sát và quan trắc môi trường.
  - Tư vấn đánh giá và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng các công trình giao thông dân dụng và công nghiệp.
4. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
5. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**Mẫu B09a-DN**

- Khai thác, quản lý, vận hành các dịch vụ phục vụ tòa nhà, khu chung cư, công trình công nghiệp, dân dụng.
- 6. In ấn.
- 7. Dịch vụ đóng gói: Đóng gói hồ sơ tài liệu.
- 8. Dịch vụ ăn uống khác.
- 9. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác  
Chi tiết:
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh thiết bị máy móc chuyên ngành phục vụ khảo sát thiết kế.
- 10. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân bổ vào đâu  
Chi tiết:
  - Kinh doanh xuất, nhập khẩu các thiết bị máy móc chuyên ngành phục vụ khảo sát thiết kế.
  - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- 11. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác  
Chi tiết : Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng
- 12. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống)
- 13. Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- 14. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác  
Chi tiết:
  - Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động
  - Bảo dưỡng thông thường
  - Sửa chữa thân xe
  - Sửa chữa các bộ phận của ô tô
  - Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn
  - Sửa tấm chắn và cửa sổ
  - Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô
  - Sửa chữa, bơm vá săm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế
  - Xử lý chống gỉ
- 15. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- 16. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- 17. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- 18. Kho bãi và lưu trữ hàng hóa
- 19. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- 20. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- 21. Cho thuê xe có động cơ



**Các hoạt động chính Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng**

**1. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan**

Chi tiết:

- Thiết kế xây dựng công trình cầu, hầm, đường bộ.
- Thiết kế công trình cảng - đường thủy.
- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, Thiết kế kiến trúc công trình.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
- Khảo sát địa hình, Khảo sát địa chất công trình.
- Thiết kế địa kỹ thuật công trình xây dựng.
- Khảo sát thủy văn môi trường.
- Thiết kế lắp đặt thiết bị điện chiếu sáng công trình giao thông.
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV, thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp.
- Thiết kế lắp đặt hệ thống mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng.
- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng.
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, hầm, đường bộ.
- Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình xây dựng.
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư các dự án đầu tư xây dựng và đánh giá đầu tư các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn và xây lắp; Lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, dự án quy hoạch, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.

**2. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật**

Chi tiết:

- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và các chỉ tiêu về địa chất, thủy văn, môi trường các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Kiểm tra chất lượng, thử tải các công trình giao thông dân dụng và công nghiệp.

**3. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác nhau chưa được phân vào đâu. Chi tiết:**

- Nghiên cứu ứng dụng, xây dựng thực nghiệm và đào tạo chuyên gia công nghệ mới các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.

**4. Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, chi nhánh chỉ hoạt động khi áp dụng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**Mẫu B09a-DN**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2019, Tổng Công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>		
1	Công ty CP TVTK Cầu Đường	Tư vấn xây dựng và kiểm định chất lượng các công trình Giao thông	50,96%
2	Công ty CP TVTK Đường Bộ	Tư vấn XD các công trình giao thông	51,00%
3	Công ty CP TVXD Cảng - Đường thủy	Tư vấn xây dựng các công trình Cảng - Đường thủy	51,00%
4	Công ty CP TVTK Kiểm định và Địa kỹ thuật	Tư vấn xây dựng và kiểm định chất lượng các công trình Giao thông	60,43%
5	Công ty CP TVTK Cầu lớn - Hàm	Tư vấn XD các công trình giao thông	51,00%
6	Công ty CP TVTK XD Giao thông thủy	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,60%
7	Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 2	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,00%
8	Công ty CP TVTK Giao thông Vận tải 4	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,00%
9	Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 5	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,00%
10	Công ty APECO	Thực hiện các dịch vụ tư vấn kỹ thuật cho các dự án giao thông, thủy lợi, xây dựng dân dụng và các dự án khác	67,00%
11	Công ty TNHH MTV Toàn cầu TEDI	Thiết kế, quản lý xây dựng và các dịch vụ liên quan khác	100,00%
<b>II</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>		
1	Công ty TVTK Kiến trúc Xây dựng	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	
2	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tại ngày 30/06/2019.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 30/06/2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - TK 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B09a-DN**Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
30/06/2019	Ngân hàng BIDV	23,245 VND/USD	22,365 VND/USD

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo Hợp đồng, khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**Mẫu B09a-DN**

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**Mẫu B09a-DN**

kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán tài sản cố định**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá và khấu hao Tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt theo Quyết định 3163/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 10 năm 2013.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

**b. Phương pháp khấu hao**

Sau khi cổ phần hóa, Tổng Công ty thực hiện đăng ký lại phương pháp trích khấu hao và khung thời gian khấu hao tài sản cố định theo công văn số 3001/TEDI-TCKT ngày 11/7/2014.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Thời gian khấu hao ( năm )</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5-50
Máy móc và thiết bị	3-20
Phương tiện vận tải	6-30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10
Tài sản cố định hữu hình khác	4-25
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	
Phần mềm tin học	3-8
Tài sản cố định vô hình khác	2-20

Đối với những tài sản cố định được đánh giá lại khi chuyển từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần tại thời điểm 31/12/2012, Tổng Công ty áp dụng theo công thức:

$$\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100\% (hoặc của TSCĐ tương đương trên thị trường)}} \times \text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ mới cùng loại}$$

**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



### **Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

### **Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí trích trước tiền lương nhân viên
- Chi phí thầu phụ trích trước trên cơ sở các công trình đã có nghiệm thu khối lượng và ghi nhận doanh thu dẫn tới kết chuyển chi phí giá vốn tương ứng.

### **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.



**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Tổng Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết. Chênh lệch đánh giá lại tài sản; Phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch ở doanh nghiệp. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm dở dang.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng Công ty.

**Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

D.N  
C  
K  
CPA  
/Y

### **Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trong kỳ, Tổng Công ty phát sinh khoản giảm trừ doanh thu của một số công trình do công trình bị cắt giảm giá trị đầu tư sau kiểm toán theo Thông báo của Chủ đầu tư.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- **Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài:** Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- **Lỗ đầu tư chứng khoán:** Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**Mẫu B09a-DN**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Tiền</b>	<b>20.296.505.016</b>	<b>38.704.940.463</b>
Tiền mặt	899.033.329	3.163.147.057
- Tiền mặt VND	852.131.429	3.116.245.157
- Tiền mặt ngoại tệ	46.901.900	46.901.900
Tiền gửi ngân hàng	19.397.471.687	35.541.793.406
- Tiền gửi VND	<b>19.391.950.381</b>	<b>35.465.589.393</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	144.445.610	28.857.148.705
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	41.034.042	41.126.419
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đồng Đa	30.054.398	83.805.536
Ngân hàng BIDV Bến Thành	9.971.642	10.390.451
Ngân hàng Liên Việt Thăng Long	127.327.407	8.576.580
Ngân hàng TMCP Quân đội	17.144.434.028	6.395.371.651
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh	1.889.195.574	1.340.528
Ngân hàng TMCP Việt Á	1.005.360	1.001.359
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	4.482.320	66.828.164
- Tiền gửi ngoại tệ	<b>5.521.306</b>	<b>76.204.013</b>
Ngân hàng Liên Việt Thăng Long	7.177	7.177
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.668.329	54.320.086
Ngân hàng TMCP Quân đội	3.845.800	21.876.750
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>41.300.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	41.300.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.596.505.016</b>	<b>48.704.940.463</b>

**5.02 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

			<i>Đơn vị: VND</i>	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	30.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.03 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Ban quản lý dự án đường sắt	4.730.481.360	-
Công ty TNHH BT Ngã ba Huế - Trung Nam	3.356.999.155	3.356.999.155
Công ty CP đầu tư Cầu Mỹ Lợi	4.077.457.890	4.077.457.890
Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	5.037.599.858	8.368.549.002
Liên danh KEI - NE - OCG - TEDI	2.467.556.911	-
Tổng công ty phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính Việt Nam - Công ty cổ phần	3.433.484.163	3.433.484.163
Ban quản lý dự án 3	46.214.000	3.941.297.406
Công ty CP Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	24.572.805	4.403.644.056
Trung tâm quản lý đường hầm sông Sài Gòn	504.975.700	3.029.854.000
Phải thu khách hàng khác	29.922.606.898	34.275.817.450
<b>Cộng</b>	<b>53.601.948.740</b>	<b>64.887.103.122</b>
<b>Trong đó: Phải thu bên liên quan</b>	<b>3.352.141.708</b>	<b>5.633.693.749</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	244.278.222	547.678.055
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	8.169.500	66.169.500
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	89.186.100	190.302.800
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	-	37.324.100
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	396.846.474	985.248.184
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	1.625.723.680	2.158.559.003
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 2	200.000.000	617.450.580
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 5	126.967.800	126.967.800
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	55.003.831	421.314.246
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	469.622.001	346.335.381
Công ty Tư vấn công trình Châu á Thái Bình Dương	136.344.100	136.344.100

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B09a-DN****5.04 Trả trước người bán ngắn hạn**

	<b>30/06/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	1.768.155.000	1.648.000.000
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	3.225.609.007	1.307.969.007
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	-	2.580.000.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông công chính Hải Phòng	3.850.000.000	1.650.000.000
Công ty CP thiết kế xây dựng giao thông 123	2.400.000.000	-
Công ty TNHH TM và XD Trung Chính	-	2.400.000.000
Công ty CP đầu tư và tư vấn xây dựng 575	2.925.061.000	920.000.000
Công ty CP Tư vấn quốc tế Giao thông vận tải	3.820.540.000	1.500.000.000
Công ty CP tư vấn kỹ thuật C.Đ.C	2.403.000.000	-
Ứng trước người bán khác	18.284.646.465	10.623.311.959
<b>Cộng</b>	<b>38.677.011.472</b>	<b>22.629.280.966</b>
<b>Trong đó: Ứng trước bên liên quan</b>	<b>9.315.233.472</b>	<b>9.099.544.007</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	1.768.155.000	1.648.000.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	1.200.000.000	700.000.000
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	500.000.000	500.000.000
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	3.225.609.007	1.307.969.007
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	600.000.000	-
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 2	30.000.000	30.000.000
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	157.894.465	1.100.000.000
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 5	600.000.000	-
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 7	1.233.575.000	1.233.575.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	-	2.580.000.000

S.D.V  
C  
7  
KIẾ  
CPA  
H

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.05 Phải thu ngắn hạn khác**

Đơn vị: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng	25.106.904.327	-	8.933.541.442	-
Cầm cổ ký quỹ, ký cược	31.600.000	-	31.600.000	-
Phải thu Thuế TNCN	771.434.215	-	502.920.564	-
<b>Phải thu khác Bên liên quan</b>	<b>12.673.342.112</b>	<b>-</b>	<b>5.700.193.233</b>	<b>-</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	13.392.727	-	315.723.266	-
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	430.950.000	-	568.550.000	-
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	1.145.418.295	-	1.015.561.318	-
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	4.200.000	-	9.115.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	1.401.720.000	-	108.175.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	1.582.272.781	-	1.482.919.495	-
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 2	1.224.000.000	-	96.049.000	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	1.262.250.000	-	-	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 7	1.690.185.809	-	1.867.185.809	-
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	898.524.400	-	43.900.000	-
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	1.753.278.100	-	179.904.345	-
Công ty Tư vấn công trình Châu á Thái Bình Dương	1.267.150.000	-	13.110.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.550.315.786	-	717.815.623	-
<b>Cộng</b>	<b>40.133.596.440</b>	<b>-</b>	<b>15.886.070.862</b>	<b>-</b>

**TÔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.06 Hàng tồn kho**

Đơn vị: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	133.106.775.254	-	132.927.731.388	-
<b>Cộng</b>	<b>133.106.775.254</b>	<b>-</b>	<b>132.927.731.388</b>	<b>-</b>

218  
TY  
H  
ÁN  
HAI  
1-5



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.07 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2019	87.805.691.007	19.505.219.045	15.899.249.960	5.174.507.519	415.887.591	128.800.555.122
Tăng trong kỳ	-	-	459.375.646	342.050.000	-	801.425.646
Mua trong kỳ	-	-	459.375.646	342.050.000	-	801.425.646
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	87.805.691.007	19.505.219.045	16.358.625.606	5.516.557.519	415.887.591	129.601.980.768
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2019	45.873.072.134	15.374.412.658	11.052.389.960	3.266.727.730	415.887.591	75.982.490.073
Tăng trong kỳ	964.981.171	760.817.432	532.703.325	363.071.847	-	2.621.573.775
Khấu hao trong kỳ	964.981.171	760.817.432	532.703.325	363.071.847	-	2.621.573.775
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	46.838.053.305	16.135.230.090	11.585.093.285	3.629.799.577	415.887.591	78.604.063.848
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2019	41.932.618.873	4.130.806.387	4.846.860.000	1.907.779.789	-	52.818.065.049
Tại ngày 30/06/2019	40.967.637.702	3.369.988.955	4.773.532.321	1.886.757.942	-	50.997.916.920

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.08 Tài sản cố định vô hình**

	<i>Đơn vị : VND</i>	
	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2019	6.065.379.327	6.065.379.327
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	<u>6.065.379.327</u>	<u>6.065.379.327</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2019	4.231.269.906	4.231.269.906
Tăng trong kỳ	344.706.782	344.706.782
Khấu hao trong kỳ	344.706.782	344.706.782
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	<u>4.575.976.688</u>	<u>4.575.976.688</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2019	<u>1.834.109.421</u>	<u>1.834.109.421</u>
Tại ngày 30/06/2019	<u>1.489.402.639</u>	<u>1.489.402.639</u>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.09 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Đơn vị: VND				
	30/06/2019	01/01/2019			
	Tỷ lệ				
	Vốn	Giá gốc	Giá gốc	Dự phòng	Dự phòng
	năm				
	giữ				
	biểu				
	quyết				
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		<b>56.929.043.495</b>	<b>59.052.170.155</b>	<b>(1.205.000.000)</b>	
Công ty CP TVTK XD Giao thông thủy	51,60%	2.903.313.669	2.903.313.669	-	-
Công ty CP TVTK Kiểm định và Địa kỹ thuật	60,43%	6.877.391.975	5.936.138.975	-	-
Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 2	51,00%	5.495.993.461	5.495.993.461	-	-
Công ty CP TVTK Giao thông Vận tải 4	51,00%	2.701.818.608	2.701.818.608	-	-
Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 5	51,00%	7.030.053.149	7.030.053.149	-	-
Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 7	59,00%	-	3.064.379.660	(1.205.000.000)	-
Công ty CP TVTK Cầu lớn - Hàm	51,00%	7.347.124.822	7.347.124.822	-	-
Công ty CP TVTK Đường Bộ	51,00%	7.222.223.491	7.222.223.491	-	-
Công ty CP TVTK Cầu Đường	50,96%	4.030.440.000	4.030.440.000	-	-
Công ty CP TVXD Cảng - Đường thủy	51,00%	4.384.470.000	4.384.470.000	-	-
Công ty TNHH MTV Toàn cầu TEDI	100%	4.670.325.000	4.670.325.000	-	-
Công ty Tư vấn CT Châu Á Thái Bình Dương	67,00%	4.265.889.320	4.265.889.320	-	-
<b>Cộng</b>		<b>56.929.043.495</b>	<b>59.052.170.155</b>	<b>(1.205.000.000)</b>	

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ kết chuyển	1.503.406.219	1.655.870.233
Chi phí chờ kết chuyển	1.968.216.247	2.799.378.247
Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	3.487.439.163	3.842.093.995
Chi phí sửa chữa chờ kết chuyển	460.462.895	666.038.481
<b>Cộng</b>	<b>7.419.524.524</b>	<b>8.963.380.956</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng	1.256.478.000	1.256.478.000	56.478.000	56.478.000
Công ty TNHH TM và XD Trung Chính	2.030.399.397	2.030.399.397	-	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng A2Z	634.153.000	634.153.000	432.995.000	432.995.000
<b>Phải trả: Bên liên quan</b>	<b>12.090.863.537</b>	<b>12.090.863.537</b>	<b>20.214.351.049</b>	<b>20.214.351.049</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	148.410.000	148.410.000	148.410.000	148.410.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	2.991.802.650	2.991.802.650	3.674.228.500	3.674.228.500
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	634.397.600	634.397.600	533.458.600	533.458.600
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	131.926.000	131.926.000	885.357.000	885.357.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	979.713.000	979.713.000	995.507.664	995.507.664
xây dựng giao thông thủy	107.063.000	107.063.000	-	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	1.245.614.000	1.245.614.000	809.969.000	809.969.000
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	1.066.398.087	1.066.398.087	608.635.085	608.635.085
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	587.942.000	587.942.000	2.179.358.000	2.179.358.000
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 7	15.640.000	15.640.000	1.842.719.000	1.842.719.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	4.181.957.200	4.181.957.200	8.536.708.200	8.536.708.200
Phải trả NCC ngắn hạn khác	4.478.004.808	4.478.004.808	4.859.967.725	4.859.967.725
<b>Cộng</b>	<b>20.489.898.742</b>	<b>20.489.898.742</b>	<b>25.563.791.774</b>	<b>25.563.791.774</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Ban QLDA đường nối TP Hạ Long với cầu Bạch Đằng	9.166.362.000	-
Ban quản lý dự án 6	18.343.969.703	8.462.000
Ban quản lý dự án 7	21.689.627.000	174.779.388
Ban quản lý dự án 85	10.244.000.000	4.700.000.000
Ban quản lý dự án Thăng Long	16.223.315.300	-
Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh	12.694.595.000	-
Công ty CP Him Lam - Chi nhánh Hà Nội	20.914.263.600	20.914.263.600
Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Long Vân	12.500.000.000	10.000.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng Trung Nam	6.366.000.000	6.366.000.000
Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	1.000.000.000	10.736.495.000
Người mua ứng trước khác	77.982.058.525	57.552.217.186
<b>Cộng</b>	<b>207.124.191.128</b>	<b>110.452.217.174</b>
<b>Trong đó: Người mua ứng trước Bên liên quan</b>	<b>19.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	19.000.000	-

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Nội dung	Đơn vị: VND			
	01/01/2019	Số phát sinh trong kỳ		30/06/2019
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	3.902.485.382	8.052.197.341	9.556.327.722	2.398.355.001
Thuế thu nhập doanh nghiệp	137.355.803	1.214.631.621	602.355.803	749.631.621
Thuế thu nhập cá nhân	219.328.761	1.852.966.739	2.070.295.500	2.000.000
Thuế nhà thầu	-	233.414.467	233.414.467	-
Thuế nhà đất	-	43.196.505	43.196.505	-
Tiền thuê đất	-	1.625.592.608	1.625.592.608	-
Lệ phí môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.259.169.946</b>	<b>13.026.999.281</b>	<b>14.136.182.605</b>	<b>3.149.986.622</b>

**5.14 Chi phí phải trả**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí thầu phụ trích trước	31.919.047.887	38.018.939.735
<b>Cộng</b>	<b>31.919.047.887</b>	<b>38.018.939.735</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B09a-DN****5.15 Phải trả khác**

	<b>30/06/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>21.095.908.695</b>	<b>13.816.244.079</b>
Kinh phí công đoàn	141.098.000	138.383.060
Bảo hiểm xã hội	-	7.680.989
Các phòng ban Công ty	3.100.391.828	5.572.365.208
Phải trả cổ tức	16.250.000.000	3.312.359.923
Công ty CP ô tô Thành An Long Biên	420.000.000	420.000.000
Chi phí phải trả kỳ sau	648.953.893	3.896.417.880
Phải trả khác ngắn hạn	535.464.974	469.037.019
<b>Phải trả khác dài hạn</b>	<b>1.293.854.628</b>	<b>1.191.194.628</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	1.293.854.628	1.191.194.628
<b>Cộng</b>	<b>22.389.763.323</b>	<b>15.007.438.707</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCPT**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B 09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.16 Vay và nợ thuế tài chính**

	30/06/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019		Đơn vị: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>27.721.472.000</b>	<b>27.721.472.000</b>	<b>4.608.470.163</b>	<b>28.276.994.432</b>	<b>51.389.996.269</b>	<b>51.389.996.269</b>	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (1)	1.092.000	1.092.000	1.696.263.452	11.580.894.721	9.885.723.269	9.885.723.269	
Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	-	-	2.912.206.711	4.305.279.711	1.393.073.000	1.393.073.000	
Công ty OCG (3)	17.320.380.000	17.320.380.000	-	4.890.820.000	22.211.200.000	22.211.200.000	
Vay cá nhân (4)	10.400.000.000	10.400.000.000	-	7.500.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>2.141.072.000</b>	<b>2.141.072.000</b>	<b>-</b>	<b>427.800.000</b>	<b>2.568.872.000</b>	<b>2.568.872.000</b>	
Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	2.141.072.000	2.141.072.000	-	427.800.000	2.568.872.000	2.568.872.000	
<b>Cộng</b>	<b>29.862.544.000</b>	<b>29.862.544.000</b>	<b>4.608.470.163</b>	<b>28.704.794.432</b>	<b>53.958.868.269</b>	<b>53.958.868.269</b>	

(1) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam: Hợp đồng bảo lãnh số 01/2018/134643/HĐTD-TC ngày 13/7/2018; Hợp đồng vay thấu chi số 02/2018/134643/HĐTD-TC ngày 13/7/2018, hạn mức 20.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng;

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 18133.18.051.1318276.TD ngày 31/05/2018, mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, lãi suất theo từng lần giải ngân, hạn mức tín dụng 130.000.000.000 đồng;

(3) Hợp đồng vay công ty OCG, HĐ ký ngày 30/11/2018 giá trị: 110.000.000 JPY;

(4) Các hợp đồng vay cá nhân bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 12 tháng;



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B 09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND
<i>Cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018</i>					
Số dư tại 01/01/2018	125.000.000.000	-	815.232.000	28.113.912.563	153.929.144.563
Tăng trong kỳ	-	-	-	13.812.014.417	13.812.014.417
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	13.812.014.417	13.812.014.417
Giảm trong kỳ	-	-	-	28.113.912.563	28.113.912.563
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.863.912.563	6.863.912.563
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	21.250.000.000	21.250.000.000
<b>Số dư tại 30/06/2018</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>815.232.000</b>	<b>13.812.014.417</b>	<b>139.627.246.417</b>
<i>Cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019</i>					
Số dư tại 01/01/2019	125.000.000.000	-	815.232.000	19.395.542.811	145.210.774.811
Tăng trong kỳ	-	-	-	14.439.769.064	14.439.769.064
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	14.439.769.064	14.439.769.064
Giảm trong kỳ	-	-	-	18.383.509.000	18.383.509.000
Chia cổ tức	-	-	-	16.281.181.012	16.281.181.012
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.102.327.988	2.102.327.988
<b>Số dư tại 30/06/2019</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>815.232.000</b>	<b>15.451.802.875</b>	<b>141.267.034.875</b>

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.17 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/06/2019		01/01/2019	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP xử lý nền và xây dựng FECON	1.168.750	9,35%	1.168.750	9,35%
Oriental Consultant Company Global Ltd.	2.532.750	20,26%	2.532.750	20,26%
Trans Across VP Inc.	32.000	0,26%	32.000	0,26%
Ông Phạm Hữu Sơn	1.062.350	8,50%	1.062.350	8,50%
Ông Phạm Trung Thành	2.595.300	20,76%	2.595.300	20,76%
Cổ đông tổ chức công đoàn	35.000	0,28%	35.000	0,28%
Cổ đông khác	5.073.850	40,59%	5.073.850	40,59%
<b>Cộng</b>	<b>12.500.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>12.500.000</b>	<b>100,00%</b>

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	125.000.000.000	125.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	18.383.509.000	28.113.912.563

d. Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	166.581.130.490	175.765.682.503
<b>Cộng</b>	<b>166.581.130.490</b>	<b>175.765.682.503</b>

**6.02 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Giảm trừ doanh thu công trình	911.586.019	215.573.182
<b>Cộng</b>	<b>911.586.019</b>	<b>215.573.182</b>

**6.03 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	132.012.844.102	140.653.634.415
<b>Cộng</b>	<b>132.012.844.102</b>	<b>140.653.634.415</b>

**6.04 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.197.813.889	501.038.416
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.962.130.400	10.413.186.020
<b>Cộng</b>	<b>11.159.944.289</b>	<b>10.914.224.436</b>

**6.05 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền vay	1.080.834.777	541.955.946
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(4.430.340)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.076.404.437</b>	<b>541.955.946</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****6.06 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.024.208.584	12.275.212.920
Chi phí vật liệu quản lý	293.189.898	350.953.691
Chi phí đồ dùng văn phòng	294.714.737	362.421.975
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.647.771.948	1.992.322.620
Thuế phí và lệ phí	2.115.207.988	1.719.608.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.657.586.553	2.832.730.374
Chi phí bằng tiền khác	12.033.350.689	10.959.194.920
<b>Cộng</b>	<b>28.066.030.397</b>	<b>30.492.445.396</b>

**6.07 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>16.554.497</b>	<b>23.702.000</b>
Phí chuyển nhượng cổ phần	-	23.702.000
Thu nhập khác	16.554.497	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>36.363.636</b>	<b>-</b>
Chi phí khác	36.363.636	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(19.809.139)</b>	<b>23.702.000</b>

**6.08 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.654.400.685</b>	<b>14.800.000.000</b>
-Thu nhập không chịu thuế TNDN	(9.962.130.400)	(10.413.186.020)
-Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	380.887.820	513.672.935
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>6.073.158.105</b>	<b>4.900.486.915</b>
Thuế TNDN hiện hành (20%)	1.214.631.621	980.097.383
Thuế TNDN năm 2016	-	7.888.200
<b>Chi phí Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.214.631.621</b>	<b>987.985.583</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B09a-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****6.09 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.429.066.151	4.369.207.375
Chi phí nhân công	45.426.932.862	49.449.434.283
Chi phí BHXH, BHYT, KPCD	2.362.042.017	1.953.271.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.926.280.555	3.137.490.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.076.939.744	13.002.193.360
Chi phí khác bằng tiền	22.835.451.760	27.001.923.681
Chi phí thuê phụ	63.201.205.276	56.942.012.431
<b>Cộng</b>	<b>160.257.918.365</b>	<b>155.855.533.332</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.01 Thông tin về các bên liên quan**

*a) Các giao dịch với Công ty con:*

*Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty con*

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<b>Các giao dịch bán (TK 511- HĐ dịch vụ)</b>	-	<b>215.354.089</b>
Công ty CP Tư vấn XD công trình giao thông 4	-	215.354.089
<b>Các giao dịch bán (TK 511- cho thuê trụ sở)</b>	<b>2.877.136.675</b>	<b>2.923.037.792</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	442.095.364	529.352.545
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	795.636.336	785.490.882
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	949.061.809	960.019.746
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật.	20.727.273	28.727.273
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	129.636.364	135.200.000
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	436.683.709	440.610.982
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	103.295.820	43.636.364
<b>Các giao dịch bán (TK 511-điện nước)</b>	<b>772.186.744</b>	<b>717.418.699</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	75.401.981	80.055.751
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	133.590.149	102.539.496
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	96.208.231	132.723.568
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	423.638.038	337.581.291
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	43.348.345	64.518.593
<b>Các giao dịch bán (TK 511-xưởng hồ sơ)</b>	<b>152.301.400</b>	-
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	21.184.400	-
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	131.117.000	-
<b>Cộng giao dịch bán (TK 511)</b>	<b>3.801.624.819</b>	<b>3.855.810.580</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**7.01 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**

*a) Các giao dịch với Công ty con:*

*Mua hàng hóa, dịch vụ Công ty con*

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<b>Các giao dịch mua (TK 331 - Chia thầu)</b>	<b>29.451.077.362</b>	<b>26.930.562.504</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	5.310.661.526	1.725.345.637
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	2.433.930.804	5.879.200.000
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	2.270.543.636	3.406.298.181
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	651.174.546	332.844.593
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	2.241.333.636	2.362.500.000
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	144.339.091	143.681.455
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	1.588.453.636	(136.110.909)
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	6.588.078.668	1.818.181.819
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	636.363.636	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 7	-	452.727.273
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	7.272.106.365	9.695.880.819
Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương	314.091.818	1.250.013.636
<b>Cộng</b>	<b>29.451.077.362</b>	<b>26.930.562.504</b>

*Cổ tức*

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<b>Các giao dịch bán (TK 515- Cổ tức)</b>	<b>9.122.130.400</b>	<b>9.573.186.020</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	1.377.000.000	1.683.000.000
Công ty Tư vấn công trình Châu á Thái Bình Dương	1.267.150.000	1.116.800.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	184.487.600	138.365.700
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	1.377.000.000	1.530.000.000
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	876.894.400	876.894.400
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	424.180.400	260.605.920
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	-	216.720.000
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	1.224.000.000	1.530.000.000
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	430.950.000	563.550.000
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	1.300.500.000	1.262.250.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	659.968.000	395.000.000
<b>Cộng các giao dịch bán (TK 515 - Cổ tức)</b>	<b>9.122.130.400</b>	<b>9.573.186.020</b>

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.01 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

b) Số dư đối với các Công ty con:

Công nợ phải thu đối với các Công ty con:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu khách hàng (Dư nợ TK 131)</b>	<b>3.352.141.708</b>	<b>5.633.693.749</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	244.278.222	547.678.055
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	8.169.500	66.169.500
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	89.186.100	190.302.800
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	-	37.324.100
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	396.846.474	985.248.184
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	1.625.723.680	2.158.559.003
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 2	200.000.000	617.450.580
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 5	126.967.800	126.967.800
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	55.003.831	421.314.246
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	469.622.001	346.335.381
Công ty Tư vấn công trình Châu á Thái Bình Dương	136.344.100	136.344.100
<b>Trả trước cho người bán (Dư nợ TK 331)</b>	<b>9.315.233.472</b>	<b>9.099.544.007</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	1.768.155.000	1.648.000.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	1.200.000.000	700.000.000
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	500.000.000	500.000.000
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	3.225.609.007	1.307.969.007
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	600.000.000	-
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 2	30.000.000	30.000.000
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	157.894.465	1.100.000.000
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 5	600.000.000	-
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 7	1.233.575.000	1.233.575.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	-	2.580.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Dư nợ TK 1388)</b>	<b>12.673.342.112</b>	<b>5.700.193.233</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	13.392.727	315.723.266
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	430.950.000	568.550.000
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	1.145.418.295	1.015.561.318
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	4.200.000	9.115.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	1.401.720.000	108.175.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	1.582.272.781	1.482.919.495
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 2	1.224.000.000	96.049.000
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	1.262.250.000	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 7	1.690.185.809	1.867.185.809
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	898.524.400	43.900.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	1.753.278.100	179.904.345
Công ty Tư vấn công trình Châu á Thái Bình Dương	1.267.150.000	13.110.000
<b>Cộng các khoản phải thu</b>	<b>25.340.717.292</b>	<b>20.433.430.989</b>



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****7.01 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)*****Công nợ phải trả Công ty con***

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Dư có TK 331)</b>	<b>12.090.863.537</b>	<b>20.214.351.049</b>
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	148.410.000	148.410.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	2.991.802.650	3.674.228.500
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	634.397.600	533.458.600
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	131.926.000	885.357.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	979.713.000	995.507.664
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	107.063.000	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	1.245.614.000	809.969.000
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	1.066.398.087	608.635.085
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	587.942.000	2.179.358.000
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 7	15.640.000	1.842.719.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	4.181.957.200	8.536.708.200
<b>Người mua trả trước (Dư có TK 131)</b>	<b>19.000.000</b>	-
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	19.000.000	-
<b>Cộng các khoản phải trả</b>	<b>12.109.863.537</b>	<b>20.214.351.049</b>

***Lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc***

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lương và thù lao HĐQT, BKS và Ban TGD	2.368.500.000	3.091.000.000

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B09a-DN****7.02 Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.596.505.016	48.704.940.463
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.735.545.180	80.773.173.984
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn	56.929.043.495	57.847.170.155
<b>Tổng cộng</b>	<b>242.261.093.691</b>	<b>197.325.284.602</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	29.862.544.000	53.958.868.269
Phải trả người bán và phải trả khác	42.879.662.065	40.571.230.481
Chi phí phải trả	31.919.047.887	38.018.939.735
<b>Tổng cộng</b>	<b>104.661.253.952</b>	<b>132.549.038.485</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hoá:*

Chi phí nhân công chiếm tỷ lệ hơn 50% giá thành của Tổng Công ty, chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ lệ nhỏ, do đó Tổng Công ty ít chịu rủi ro thay đổi về giá của các nguyên vật liệu, hàng hoá đầu vào.

*Quản lý rủi ro về tỷ giá:*

Tổng Công ty trong năm phát sinh một số các giao dịch bằng ngoại tệ nhưng không lớn, do đó Tổng Công ty có thể gặp rủi ro nhưng không đáng kể khi tỷ giá có sự biến động.

*Quản lý rủi ro về lãi suất:*

Trong năm Tổng Công ty phát sinh các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, do đó việc biến động về lãi suất trong biên độ ngắn hạn có thể gây ảnh hưởng cho Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B09a-DN****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	<b>30/06/2019</b>		<b>Tổng VND</b>
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Trên 1 năm VND</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.596.505.016	-	61.596.505.016
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.735.545.180	-	93.735.545.180
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	56.929.043.495	56.929.043.495
<b>Tổng tài sản tài chính</b>	<b>185.332.050.196</b>	<b>56.929.043.495</b>	<b>242.261.093.691</b>
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Trên 1 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	41.585.807.437	1.293.854.628	42.879.662.065
Chi phí phải trả	31.919.047.887	-	31.919.047.887
Các khoản vay	27.721.472.000	2.141.072.000	29.862.544.000
<b>Tổng công nợ tài chính</b>	<b>101.226.327.324</b>	<b>3.434.926.628</b>	<b>104.661.253.952</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>84.105.722.872</b>	<b>53.494.116.867</b>	<b>137.599.839.739</b>

**7.03 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 đã được soát xét.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

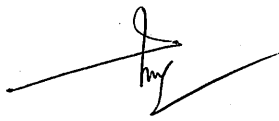
**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B09a-DN****7.04 Thông tin về quản lý và sử dụng đất**

Khu đất	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng	Đơn vị quản lý	Số Hợp đồng	Ngày tháng	Nội dung
Khu đất tại ngõ 278, phố Tôn Đức Thắng, P Hàng Bột, Q. Đống Đa	5533	Trụ sở làm việc	Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội	Số 708/HĐTĐ	25/08/2016	Hợp đồng thuê đất (thời gian thuê 50 năm từ 01/01/1996)
Khu đất tại số 10 phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	2581	Trụ sở làm việc	Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội	Số 301/HĐTĐ	29/07/2015	Hợp đồng thuê đất (thời gian thuê 50 năm từ 06/01/2014)
Khu đất tại 237 Lương Thế Vinh, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	1357	Trụ sở làm việc	Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội	279/HĐTĐ	17/07/2015	Hợp đồng thuê đất (50 năm từ ngày 15/10/1993)
Khu đất số 15 (bên phải) và 9/4 Hoàng Hoa Thám, P6, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	322,9	Trụ sở làm việc	Sở tài nguyên và MT	7188/HĐ-TNMT-QLSĐĐ	09/10/2014	Hợp đồng thuê đất (thời gian thuê 50 năm từ 19/12/2008)

Người lập biểu



Tăng Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Trương Minh Sơn

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Tổng Giám đốc




Phạm Hữu Sơn